TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Bà Vũ Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 1479, tỉnh Lộ 768, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 1479, tỉnh Lộ 768, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị K, anh G có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị K trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/1998. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh G không chăm lo gia đình, ăn chơi, cờ bạc. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh G vẫn không thay đổi, hai vợ chồng đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

-Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là Trương Hữu T, sinh ngày 10/11/1998 và cháu Trương Thị Kim N, sinh ngày 14/4/2003. Khi ly hôn đối với cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, đối với cháu N chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng anh có xẩy ra xung đột mâu thuẫn nhau, nguyên nhân do anh có tham gia cờ bạc nên vợ chồng bất hòa trong cuộc sống. Nay chị K xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị K có 02 con chung là Trương Hữu T, sinh ngày 10/11/1998 và cháu Trương Thị Kim N, sinh ngày 14/4/2003. Khi ly hôn đối với cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu, đối với cháu N tại phiên tòa anh xin trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

-Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh G trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

Về con chung: Đối với Cháu T đã trưởng thành nên không xem xét, đối với cháu N giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Anh Trương Văn G cư trú tại: 1479, tỉnh lộ 768, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 hôn nhân giữa chị K và anh G là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị K có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh G nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh G xảy ra từ năm 2017 đến nay, nguyên nhân do anh G không chăm lo cho gia đình, bài bạc dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng chị K và anh G đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh G thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có bài bạc nhưng chị K xin ly hôn thì anh không đồng ý. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn cho đến nay anh cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng anh khắc phục mâu thuẫn với nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị K và anh G có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến xung đột, cãi vã nhau.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K, chị K được ly hôn với anh G.

[3]Về con chung: Hai vợ chồng chị K và anh G có 02 con chung là Trương Hữu T, sinh ngày 10/11/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 14/4/2003. Ly hôn đối với cháu T đã trưởng thành nên chị K không yêu cầu xem xét, giải quyết. Đối với cháu N chị K và anh G đều xin trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, căn cứ biên bản xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện anh G hiện tại không có việc làm, không có thu nhập. Trong khi đó chị K có việc làm thu nhập ổn định. Mặt khác, qua tham khảo ý kiến cháu N thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với chị K.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định chị K là người đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N nên chấp nhận giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]Về T sản chung và nợ chung: chị K và anh G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị K phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình 1986.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lê Thúy K.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy K được ly hôn anh Trương Văn G.

-Về con chung: Có 02 con chung là Trương Hữu T, sinh ngày 10/11/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 14/4/2003. Đối với Cháu T đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu N giao cho chị Lê Thúy K trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về T sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Chị Lê Thúy K phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002315 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thiện Tân;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại